



**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2014: 18.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội trợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 202 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Ông Lê Hoàng Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Ông Lê Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/02/2015 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| | | Miễn nhiệm ngày 11/02/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2013 |
| • Bà Phan Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Lê Hoàng Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
• Ông Lê Huy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/09/2014
• Bà Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
• Ông Phạm Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 12/09/2014
• Ông Nguyễn Phong Yên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/09/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

CÔNG

CÔNG

PHẦN

MỸ THUẬT VÀ

TRUYỀN THÔNG

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 153/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/02/2015, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu 17.602.371.972 đồng và nợ phải trả 18.570.913.696 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2014. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận công nợ nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.127.976.702	49.856.908.637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.476.444.381	16.839.710.614
1. Tiền	111		5.476.444.381	3.739.710.614
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.500.000.000	750.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	12.500.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.810.586.991	26.438.352.916
1. Phải thu khách hàng	131		23.790.343.785	25.161.355.398
2. Trả trước cho người bán	132		9.971.194.400	521.058.741
3. Các khoản phải thu khác	135	7	507.605.690	1.095.943.994
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(458.556.884)	(340.005.217)
IV. Hàng tồn kho	140		8.371.656.199	5.460.247.619
1. Hàng tồn kho	141	8	8.408.946.933	5.497.538.353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.290.734)	(37.290.734)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.969.289.131	368.597.488
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.612.658.339	261.967.266
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	356.630.792	106.630.222
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.584.844.625	5.293.765.980
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.538.061.802	2.157.859.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.538.061.802	2.157.859.254
- Nguyên giá	222		7.941.146.762	7.349.344.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.403.084.960)	(5.191.485.690)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.046.782.823	3.135.906.726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.578.694.797	2.099.230.895
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		221.939.026	286.675.831
3. Tài sản dài hạn khác	268	13	1.246.149.000	750.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.712.821.327	55.150.674.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.107.962.858	32.883.000.527
I. Nợ ngắn hạn	310		40.107.962.858	32.883.000.527
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	2.750.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		22.871.649.484	20.238.668.804
3. Người mua trả tiền trước	313		2.511.066.916	2.868.824.506
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.816.676.880	2.209.435.700
5. Phải trả người lao động	315		9.594.120.507	7.062.570.562
6. Chi phí phải trả	316	16	4.904.167	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	220.262.665	292.249.376
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		339.282.239	211.251.579
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.604.858.469	22.267.674.090
I. Vốn chủ sở hữu	410		27.604.858.469	22.267.674.090
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	18.000.000.000	15.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	(119.378.500)	(119.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	414	18	-	(150.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	2.844.067.948	2.318.879.561
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	868.397.187	648.072.913
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	6.011.771.834	4.420.371.616
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.712.821.327	55.150.674.617



Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Phong Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	155.739.624.932	116.681.861.843
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	155.739.624.932	116.681.861.843
4. Giá vốn hàng bán	11	20	108.046.281.842	82.520.915.258
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>47.693.343.090</u>	<u>34.160.946.585</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.406.977.405	476.069.665
7. Chi phí tài chính	22	22	4.904.167	32.615.777
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.904.167	32.615.777
8. Chi phí bán hàng	24		29.498.420.742	18.452.756.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.753.228.047	10.388.335.817
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>7.843.767.539</u>	<u>5.763.308.501</u>
11. Thu nhập khác	31	23	318.746.296	325.826.708
12. Chi phí khác	32	24	103.540.416	22.350.552
13. Lợi nhuận khác	40		<u>215.205.880</u>	<u>303.476.156</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	<u>8.058.973.419</u>	<u>6.066.784.657</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.996.350.913	1.683.921.606
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	64.736.805	(23.622.432)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	<u>5.997.885.701</u>	<u>4.406.485.483</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.332	3.721



Giám đốc

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Phong Yên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	162.162.530.954	115.942.984.701
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(129.540.431.233)	(89.341.250.474)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.170.017.948)	(17.200.716.255)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(32.615.777)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.581.264.665)	(919.132.662)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.914.465.522	2.211.073.342
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.579.650.200)	(4.692.026.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.205.632.430	5.968.316.461
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(9.490.632.000)	(2.345.453.547)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.500.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	5.750.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	935.160.837	412.877.998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.305.471.163)	(1.932.575.549)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	271.500	3.880.500.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.350.000.000	2.022.231.090
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.600.000.000)	(2.022.231.090)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.699.000)	(986.301.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.736.572.500	2.894.199.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(11.363.266.233)	6.929.939.912
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.839.710.614	9.909.770.702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.476.444.381	16.839.710.614



Giám đốc

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Phong Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/12/2014 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2014: 18.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội trợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	3,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - ✓ Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	109.610.157	357.403.950
Tiền gửi ngân hàng	5.366.834.224	3.382.306.664
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	13.100.000.000
Cộng	5.476.444.381	16.839.710.614

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (75.000 CP)	750.000.000	750.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	11.750.000.000	-
Cộng	12.500.000.000	750.000.000

Báo cáo tài chính các năm của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa niêm yết trên các sở giao dịch và công ty cũng không có nguồn dữ liệu đáng tin cậy nào về thị giá của cổ phiếu này. Do đó, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạ Thanh Tùng	7.683.263	7.683.263
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn dưới trên 3 tháng	376.930.822	52.155.556
BHXH, BHYT, BHTN	59.074.037	72.447.819
Phải thu khác	63.917.568	963.657.356
Cộng	507.605.690	1.095.943.994

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.534.593.904	2.464.375.424
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	26.432.222
Thành phẩm	5.295.709.059	2.418.518.323
Hàng hóa	1.578.643.970	588.212.384
Cộng	8.408.946.933	5.497.538.353

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	565.036.337	261.967.266
Phần mềm bán hàng	37.000.002	-
Chi phí thuê cửa hàng	1.010.622.000	-
Cộng	1.612.658.339	261.967.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	356.630.792	106.630.222
Cộng	<u>356.630.792</u>	<u>106.630.222</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.394.039.871	3.236.152.191	719.152.882	7.349.344.944
Mua sắm trong năm	-	-	591.801.818	591.801.818
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>3.394.039.871</u>	<u>3.236.152.191</u>	<u>1.310.954.700</u>	<u>7.941.146.762</u>
Khấu hao				
Số đầu năm	3.238.797.026	1.353.294.867	599.393.797	5.191.485.690
Phân loại lại	(14)	(203.532)	203.546	-
Khấu hao trong năm	155.242.859	858.617.136	197.739.275	1.211.599.270
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>3.394.039.871</u>	<u>2.211.708.471</u>	<u>797.336.618</u>	<u>6.403.084.960</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>155.242.845</u>	<u>1.882.857.324</u>	<u>119.759.085</u>	<u>2.157.859.254</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>1.024.443.720</u>	<u>513.618.082</u>	<u>1.538.061.802</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 4.773.493.498 đồng.

Không có tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2014.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	213.718.570	704.902.429
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.364.976.227	1.394.328.466
Cộng	<u>2.578.694.797</u>	<u>2.099.230.895</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.246.149.000	750.000.000
Cộng	1.246.149.000	750.000.000

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	2.750.000.000	-
Cộng	2.750.000.000	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	111.701.201	78.490.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp	876.034.752	1.460.948.504
Thuế thu nhập cá nhân	828.940.927	669.996.878
Cộng	1.816.676.880	2.209.435.700

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải trả	4.904.167	-
Cộng	4.904.167	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	68.478.277	113.251.488
Cổ tức phải trả	-	13.699.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	151.784.388	165.298.888
- Quỹ từ thiện NXB	18.450.000	6.195.714
- Phải trả khác	133.334.388	159.103.174
Cộng	220.262.665	292.249.376

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
SD tại 01/01/2013	10.000.000.000	-	824.349.970	431.854.235	-	4.373.290.436
Tăng trong năm	5.000.000.000	(119.500.000)	1.494.529.591	216.218.678	(150.000)	4.406.485.483
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	4.359.404.303
SD tại 31/12/2013	15.000.000.000	(119.500.000)	2.318.879.561	648.072.913	(150.000)	4.420.371.616
SD tại 01/01/2014	15.000.000.000	(119.500.000)	2.318.879.561	648.072.913	(150.000)	4.420.371.616
Tăng trong năm	3.000.000.000	121.500	525.188.387	220.324.274	-	5.997.885.701
Giảm trong năm	-	-	-	-	(150.000)	4.406.485.483
SD tại 31/12/2014	18.000.000.000	(119.378.500)	2.844.067.948	868.397.187	-	6.011.771.834

b. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.800.000	1.500.000
- Cổ phiếu thường	1.800.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	15
- Cổ phiếu thường	-	15
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.499.985
- Cổ phiếu thường	1.800.000	1.499.985
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.420.371.616	4.373.290.436
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.997.885.701	4.406.485.483
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.406.485.483	4.359.404.303
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	525.188.387	1.494.529.591
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	220.324.274	216.218.678
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	660.972.822	648.656.034
+ Trả cổ tức bằng tiền	-	1.000.000.000
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.011.771.834	4.420.371.616

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2013 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 01/04/2014.

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ (tương ứng 3.000.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2014.

19. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	155.739.624.932	116.681.861.843
+ Doanh thu bán sách tham khảo	141.847.051.669	100.244.975.831
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	13.892.573.263	16.436.886.012
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	155.739.624.932	116.681.861.843

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn sách tham khảo	98.522.363.249	74.025.494.879
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	9.523.918.593	8.458.129.645
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	37.290.734
Cộng	108.046.281.842	82.520.915.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.147.436.103	401.069.665
Cổ tức, lợi nhuận được chia	112.500.000	45.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	30.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147.041.302	-
Cộng	1.406.977.405	476.069.665

22. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	4.904.167	32.615.777
Cộng	4.904.167	32.615.777

23. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nhận tiền khuyến mãi	194.745.843	104.269.866
Thu tiền đền bù do mất hàng	31.607.465	161.473.642
Thu từ bán phế liệu	3.790.800	33.500.000
Thu nhập khác	88.602.188	26.583.200
Cộng	318.746.296	325.826.708

24. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Xử lý công nợ không rõ đối tượng	86.048.197	-
Nộp phạt thuế	-	18.310.842
Chi phí khác	17.492.219	4.039.710
Cộng	103.540.416	22.350.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.058.973.419	6.066.784.657
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.015.348.915	697.276.064
Điều chỉnh tăng	1.422.107.121	742.276.064
- Chi phí không hợp lệ	628.224.318	461.673.120
- Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán	-	176.242.870
- Khấu hao của nguyên giá xe ô tô vượt 1,6 tỷ	178.800.631	89.400.315
- Lãi + phạt thuế	-	14.959.759
- Chi phí chưa có hóa đơn	357.504.000	-
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi, xử lý công nợ	257.578.172	-
Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	406.758.206	45.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	112.500.000	45.000.000
- Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán	294.258.206	-
Tổng thu nhập chịu thuế	9.074.322.334	6.764.060.721
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.996.350.913	1.683.921.606
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	64.736.805	(23.622.432)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm nay	64.736.805	(44.060.718)
- Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại so thay đổi thuế suất áp dụng các năm sau (22% và 20%)	-	20.438.286
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.997.885.701	4.406.485.483

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.997.885.701	4.406.485.483
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.997.885.701	4.406.485.483
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.799.991	1.184.369
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.332	3.721

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.636.368.650	46.161.550.598
Chi phí nhân công	25.411.726.569	19.548.308.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.211.599.270	1.599.094.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.907.197.916	18.243.413.339
Chi phí khác bằng tiền	5.287.284.389	3.584.206.141
Cộng	105.454.176.794	89.136.573.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	2.750.000.000	-	2.750.000.000
Phải trả người bán	22.871.649.484	-	22.871.649.484
Chi phí phải trả	4.904.167	-	4.904.167
Phải trả khác	151.784.388	-	151.784.388
Cộng	25.778.338.039	-	25.778.338.039

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.238.668.804	-	20.238.668.804
Phải trả khác	178.997.888	-	178.997.888
Cộng	20.417.666.692	-	20.417.666.692

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.476.444.381	-	5.476.444.381
Phải thu khách hàng	23.331.786.901	-	23.331.786.901
Phải thu khác	448.531.653	-	448.531.653
Đầu tư tài chính	12.500.000.000	-	12.500.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.246.149.000	1.246.149.000
Cộng	41.756.762.935	1.246.149.000	43.002.911.935

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.839.710.614	-	16.839.710.614
Phải thu khách hàng	24.821.350.181	-	24.821.350.181
Phải thu khác	1.023.496.175	-	1.023.496.175
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Tài sản tài chính khác	-	750.000.000	750.000.000
Cộng	43.434.556.970	750.000.000	44.184.556.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục, phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Bến Tre	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Lào Cai	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Bán tem, sách	407.208.822	371.669.942
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	3.480.316.214	4.004.129.413
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Bán tem, sách	1.431.150.000	1.496.467.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Bán tem, sách	2.368.300.000	4.005.100.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Bán tem, sách	397.210.000	1.100.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Bán tem, sách	309.362.836	503.282.456
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán tem, sách	939.609.981	2.338.043.685
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Bán tem, sách	285.208.115	341.850.500
Công ty CP Sách và TBTH TP Hồ Chí Minh	Bán sách các loại	375.339.407	428.128.525
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phim, tem, sách	3.337.212.878	4.651.686.297
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Bán sách các loại	456.576.856	186.740.032
Công ty CP Sách Thiết bị Bến Tre	Bán sách các loại	2.025.904.096	2.398.233.620
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Bán sách các loại	227.767.895	450.807.908
Công ty CP Sách TBTH Lào Cai	Bán sách các loại	971.710.294	429.694.110
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Bán sách các loại	1.999.891.716	28.967.625
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Thuê nhà, điện, nước	420.696.363	403.582.997
	Phí QLXB	3.454.178.725	916.817.999
	Mua khác	11.000.000	-
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Mua bản đồ, tranh ảnh	321.877.754	508.257.720
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP Hà Nội	In, thuê kho, xưởng	330.510.871	217.351.807
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Mua sách các loại	474.806.410	294.462.060
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	2.517.030.450	2.161.995.151
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	1.150.214.120	1.045.310.620
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	2.928.264.699	2.187.517.018
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Mua sách các loại	300.901.720	-
Khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Trả cổ tức bằng tiền	-	510.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	112.500.000	45.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư trọng yếu với các bên có liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phải thu khách hàng	262.802.209	1.493.797.231
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	-	16.621.807
	Phải trả người bán	212.845.102	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	1.153.587.167	821.066.868
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	1.829.520.000	2.541.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Phải thu khách hàng	436.931.000	-
	Phải trả người bán	126.027.010	222.840.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	532.054.724	155.740.776
	Phải trả người bán	868.079.284	-
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	343.926.735	338.974.000
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	1.852.552.021	4.022.833.220
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Phải trả người bán	327.979.998	192.335.890
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Phải thu khách hàng	461.394.541	192.487.369
Công ty CP Sách TBTH Lào Cai	Phải thu khách hàng	339.036.956	237.092.552

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương Ban Giám đốc	2.294.506.540	2.473.848.227
- Giám đốc	900.297.189	1.016.139.501
- Phó Giám đốc	1.394.209.351	1.457.708.726
Thù lao Hội đồng quản trị	420.000.000	417.866.664

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.



Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Phong Yên